

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/KDTM-ST

Ngày: 09/5/2018

V/v “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thiện

2. Ông Phan Công Ny

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thùy My – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Trang – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 111/2016/TLST-KDTM ngày 29 tháng 8 năm 2016 về “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 299/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B

Trụ sở: 16 P, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ chi nhánh: Số 90 – 92 đường T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Hồng T** – Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Ngô Trung H**, sinh năm 1988

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất thương mại dịch vụ T

Địa chỉ: 167 đường số B, khu dân cư H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Trọng C** – Chức vụ: Giám đốc

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- 1/ Ông **Cao Văn S**, sinh năm 1953
- 2/ Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1956
- 3/ Ông **Cao Minh P**, sinh năm 1976
- 3/ Ông **Cao Minh T**, sinh năm 1978
- 5/ Bà **Cao Anh T**, sinh năm 1983
- 6/ Ông **Cao Khắc D**, sinh năm 1980
- 7/ Bà **Huỳnh Thị Thùy N**, sinh năm 1985

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu vực H, phường T, quận O, thành phố Cần Thơ.

- 8/ Ông **Trần Thanh H**, sinh năm 1966
- 9/ Bà **Huỳnh Kim T**, sinh năm 1970
- 10/ Ông **Trần Thanh N**, sinh năm 1990
- 11/ Ông **Trần Thanh Đ**, sinh năm 1992

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu vực T, phường T, quận O, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Đặng Thị Hoàng G trình bày:*

Ngày 16/12/2013 Ngân hàng Thương mại cổ phần B (Gọi tắt là Ngân hàng Bảo Việt) có cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất thương mại dịch vụ T (Gọi tắt là Công ty T) vay số tiền 500.000.000đồng; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh; thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất vay trong hạn: Áp dụng theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân, được quy định cụ thể tại từng Khế ước nhận nợ số 0099/KUNN1/BVB26 ngày 16/12/2013; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất vay trong hạn theo Hợp đồng tín dụng số 0099/2013/HDTD1/BVB26. Để bảo đảm cho số nợ vay trên Công ty T đã ký các hợp đồng thế chấp gồm:

1/ Hợp đồng thế chấp số 1077410.A.13.HĐTC.CT ngày 27/3/2013 thế chấp quyền sử dụng đất tọa lạc tại Khu vực H, phường T, quận O, thành phố Cần Thơ (thửa đất số 2468, tờ bản đồ số 01, diện tích 2080,6m² trong đó 300m² đất thổ cư và 1780,6m² đất trồng cây lâu năm) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số B, số vào sổ cấp giấy chứng nhận C do Ủy ban nhân dân quận O, thành phố Cần Thơ cấp ngày 22/11/2011 cho hộ ông Cao Văn S.

2/ Hợp đồng thế chấp số 1077410.A.13.HĐTC.CT ngày 10/4/2013 thế chấp quyền sử dụng đất tọa lạc tại Khu vực T, phường T, quận O, thành phố Cần Thơ (thửa đất số 674, tờ bản đồ số 02, diện tích 1382,4m² trong đó 300m² đất thổ cư và 1082,4m² đất trồng cây lâu năm) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số B, số vào sổ cấp giấy chứng nhận C do Ủy ban nhân dân quận O, thành phố Cần Thơ cấp ngày 08/4/2013 cho hộ ông Trần Thanh H.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty T phải thanh toán cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 30/3/2016 như sau: Nợ gốc: 500.000.000 đồng; Nợ lãi và lãi quá hạn: 181.658.028 đồng. Tổng nợ: 681.658.028 đồng. Công ty T phải chịu lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Nếu không trả được nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tuy nhiên, đến ngày 30/11/2016 Ngân hàng B có đơn đề nghị rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số nợ và phần tài sản thế chấp đối với hộ Cao Thanh H. Lý do, ngày 25/11/2016 giữa Ngân hàng và hộ ông Trần Thanh H – bà Huỳnh Kim T trả một phần nợ và đã xóa thế chấp tài sản của hộ ông Trần Thanh H. Nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty T trả nợ gốc là 70.000.000đồng và nợ lãi và lãi quá hạn tạm tính đến ngày 30/11/2016 là 244.809.693đồng. Tổng cộng là 314.847.609đồng.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Cao Minh P trình bày: Gia đình ông có nhờ Công ty T vay dùm gia đình ông 170.000.000đồng của Ngân hàng B nên gia đình ông có dùng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của gia đình là hộ Cao Văn S thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo khoản vay của Công ty T. Nay do hoàn cảnh khó khăn nên không trả được nợ nên đồng ý yêu cầu phát mãi tài sản để thu hồi nợ của Ngân hàng.

**** Tại phiên tòa,***

Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần nợ và xử lý tài sản thế chấp của hộ ông Trần Thanh H.

Theo đơn khởi kiện Ngân hàng yêu cầu trả số tiền nợ gốc 70.000.000đồng và tiền lãi phát sinh nhưng tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền: 333.243.333đồng (Trong đó, nợ gốc 68.000.000đồng, nợ lãi từ ngày 15/4/2014 đến ngày 09/5/2018 là 265.243.333đồng) và lãi phát sinh từ ngày 10/5/2018 cho đến khi bị đơn trả dứt nợ theo hợp đồng tín dụng. Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất C do Ủy ban nhân dân quận O cấp ngày 22/11/2011 cho hộ ông Cao Văn S tại thửa đất số 2468, tờ bản đồ số 01, diện tích

2.080,6m² (Trong đó 300 m² đất thổ cư và 1780,6m² đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại Khu vực H, phường T, quận O, thành phố Cần Thơ để thu hồi nợ.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp.

+ *Đối với đương sự:* Nguyên đơn thực hiện đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quy định pháp luật về chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Công ty T có ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng B vay số tiền 500.000.000đồng và lãi suất 13%/năm. Nhưng do Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty T trả số tiền nợ gốc là 500.000.000đồng; Nợ lãi và lãi quá hạn: 181.658.028đồng. Tổng nợ: 681.658.028đồng. Tuy nhiên, sau đó, hộ ông Trần Thanh H đã trả một phần nợ và đã xóa thế chấp đối với tài sản là quyền sử dụng đất của hộ ông Hải nên Ngân hàng đã có đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện. Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu bị đơn trả số tiền tổng số tiền: 333.243.333đồng (Trong đó, nợ gốc 68.000.000đồng, nợ lãi từ ngày 15/4/2014 đến ngày 09/5/2018 là 265.243.333đồng) và lãi phát sinh từ ngày 10/5/2018 cho đến khi bị đơn trả dứt nợ theo hợp đồng tín dụng. Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất C do Ủy ban nhân dân quận O cấp ngày 22/11/2011 cho hộ ông Cao Văn S tại thửa đất số 2468, tờ bản đồ số 01, diện tích 2080,6m² (Trong đó 300 m² đất thổ cư và 1780,6m² đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại Khu vực H, phường T, quận O, thành phố Cần Thơ. Nhận thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với số tiền nợ gốc 430.000.000đồng và phát mãi tài sản thế chấp của hộ ông Cao Thanh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Ngày 16/12/2013 giữa Ngân hàng B (gọi tắt là Ngân hàng) và Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ T có ký kết Hợp đồng tín dụng số 0099/KUNN1/BVB26, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T không thực hiện theo đúng theo thỏa thuận nên Ngân hàng có đơn khởi kiện, quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 sửa đổi, bổ sung năm 2011 (Nay là khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015).

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp về việc tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

* *Đối với số nợ gốc:*

Ngày 16/12/2013, Ngân hàng B và Công ty T có ký Hợp đồng tín dụng số 0099/KUNN1/BVB26, với số tiền vay là 500.000.000đồng. Về mục đích vay, thời hạn vay, lãi suất vay được quy định cụ thể trong Hợp đồng. Quá trình thực hiện giao dịch, Công ty Tường Vy đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty T trả nợ gốc là 70.000.000đồng. Tuy nhiên, theo bảng kê của Ngân hàng khi thu số tiền nợ gốc 430.000.000đồng đối với Công ty T có thu thêm 2.000.000đồng lãi phạt quá hạn là không đúng quy định nên tại phiên tòa đại diện nguyên đơn đồng ý trừ số tiền này vào số nợ gốc nên chỉ yêu cầu Công ty T trả nợ gốc 68.000.000đồng và lãi phát sinh.

Xét yêu cầu của phía Ngân hàng về việc yêu cầu Công ty T trả số tiền nợ gốc là 68.000.000đồng. Nhận thấy, việc Ngân hàng đã trừ 2.000.000đồng tiền đã thu lãi phạt quá hạn đối với bị đơn là phù hợp với quy định hướng dẫn tại Phần 1.3 mục 1 Văn bản số 1335/NHNN-CSTT ngày 22/02/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc phạt chậm trả đối với trường hợp nợ quá hạn. Đối với số tiền nợ gốc 68.000.000đồng, đây là số tiền Công ty T còn nợ Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, số nợ này đã chuyển sang nợ quá hạn. Do Công ty T vi phạm các quy định về trả nợ gốc theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng tín dụng. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Công ty T trả số tiền nợ gốc 68.000.000đồng⁽¹⁾ là có căn cứ chấp nhận.

* *Đối với số tiền nợ lãi:*

Theo Hợp đồng tín dụng thể hiện: Lãi suất cho vay là 13%/năm. Áp dụng theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân, được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ số 0099/KUNN1/BVB26 ngày 16/12/2013; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất vay trong hạn theo Hợp đồng tín dụng. Như vậy, mức lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm giao kết nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ lãi (tính từ ngày 15/4/2014 đến ngày 09/5/2018) là 265.243.333đồng⁽²⁾ là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Do bị đơn thực hiện không đúng thỏa thuận, vi phạm các quy định trong Hợp đồng tín dụng về nghĩa vụ thanh toán nên cần buộc bị đơn phải trả nợ gốc và lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng với tổng số tiền là: (1) + (2) = 333.243.333đồng (tính đến ngày 09/5/2018).

** Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:*

Để bảo đảm cho số khoản vay 500.000.000đồng, Công ty T và Ngân hàng B đã ký 02 hợp đồng thế chấp gồm: Hợp đồng thế chấp số 1077410.A.13.HĐTC.CT ngày 27/3/2013 thế chấp quyền sử dụng đất tọa lạc tại Khu vực H, phường T, quận O, thành phố Cần Thơ (thửa đất số 2468, tờ bản đồ số 01, diện tích 2080,6m² trong đó 300m² đất thổ cư và 1780,6m² đất trồng cây lâu năm) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số B, số vào sổ cấp giấy chứng nhận C do Ủy ban nhân dân quận O, thành phố Cần Thơ cấp ngày 22/11/2011 cho hộ ông Cao Văn S. Và Hợp đồng thế chấp số 1077410.A.13.HĐTC.CT ngày 10/4/2013 thế chấp quyền sử dụng đất tọa lạc tại Khu vực T, phường T, quận O, thành phố Cần Thơ (thửa đất số 674, tờ bản đồ số 02, diện tích 1382,4m² trong đó 300m² đất thổ cư và 1082,4m² đất trồng cây lâu năm) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số B, số vào sổ cấp giấy chứng nhận C do Ủy ban nhân dân quận O, thành phố Cần Thơ cấp ngày 08/4/2013 cho hộ ông Trần Thanh H.

Xét giữa nguyên đơn và bị đơn ký hợp đồng thế chấp được Phòng công chứng Trung Tâm chứng thực ngày 27/3/2013 và ngày 10/4/2013. Hội đồng xét xử xét thấy giao dịch này là hợp pháp nhưng do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Xét yêu cầu này có căn cứ nên Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp phần đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 2.468, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.080,6m² (Trong đó: 300m² đất thổ cư và 1780,6m² đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại Khu vực H, phường T, quận O, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B, số vào sổ cấp giấy chứng nhận C do Ủy ban nhân dân quận O, thành phố Cần

Thư cấp ngày 22/11/2011 cho hộ ông Cao Văn S để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 4 Hợp đồng thế chấp và điểm a khoản 2 Điều 54 Luật các tổ chức tín dụng.

Riêng đối với số tiền nợ gốc là 430.000.000đồng bị đơn nợ thì phía Ngân hàng đã có đơn rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số nợ trên và xử lý tài sản của hộ ông Cao Thanh H nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng về số tiền nợ gốc 430.000.000đồng và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của hộ ông Trần Thanh H theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi theo đúng thoả thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi Công ty T thanh toán hết nợ cho Ngân hàng B là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung này là phù hợp.

[3] *Về chi phí thẩm định:* Bị đơn phải chịu 2.000.000 đồng chi phí thẩm định tài sản thế chấp. Số tiền này Ngân hàng đã tạm ứng nên bị đơn có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Nguyên đơn Ngân hàng B được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên án phí có giá ngạch bị đơn phải nộp là: 16.662.167 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 sửa đổi, bổ sung năm 2011.

- Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điểm a khoản 2 Điều 54, Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng.

- Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B.

Buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất thương mại dịch vụ T trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B tổng số tiền là 333.243.333đồng (*Ba trăm ba mươi ba triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*) (Trong đó, nợ gốc 68.000.000đồng (*Sáu mươi tám triệu đồng*), nợ lãi tính từ ngày 15/4/2014 đến ngày 09/5/2018 là 265.243.333đồng (*Hai trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*))

Kể từ ngày 10/5/2018 Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất thương mại dịch vụ T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất thương mại dịch vụ T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất thương mại dịch vụ T không trả được nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phần đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 2468, tờ bản đồ số 01, diện tích 2080,6m² (trong đó 300m² đất thổ cư và 1780,6m² đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại Khu vực H, phường T, quận O, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B, số vào sổ cấp giấy chứng nhận C do Ủy ban nhân dân quận O, thành phố Cần Thơ cấp ngày 22/11/2011 cho hộ ông Cao Văn S.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc 430.000.000đồng (*Bốn trăm ba mươi triệu đồng*) và xử lý tài sản thế chấp của hộ ông Trần Thanh H theo Hợp đồng thế chấp số:1077410.A.13.HĐTC.CT ngày 10/4/2013 tài sản là phần đất tại thửa đất số 674, tờ bản đồ số 02, diện tích 1382,4m² (Trong đó 300m² đất thổ cư và 1082,4m² đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại Khu vực T, phường T, quận O, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: C do Ủy ban nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ cấp ngày 08/4/2013 cho hộ ông Trần Thanh H.

3. Chi phí thẩm định: Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất thương mại dịch vụ T phải chịu 2.000.000đồng (*Hai triệu đồng*). Nguyên đơn đã tạm ứng số tiền này nên bị đơn có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn số tiền trên.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất thương mại dịch vụ T phải chịu 16.662.167đồng (*Mười sáu triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng*).

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.633.000đồng (*Mười lăm triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn đồng*) theo biên lai thu số 004950 ngày 14/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

5. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm ngày*) ngày kể từ ngày tuyên án (Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm ngày*) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Tp.Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Ninh Kiều;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q.Ninh Kiều;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Yến Nhi